

*

Số 09 -KH/ĐU

Yết Kiêu, ngày 28 tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

**Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị
về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo
và chuyển đổi số quốc gia**

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 12-KH/TU ngày 26/8/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW); Ban Thường vụ Đảng ủy xây dựng Kế hoạch hành động với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị tổ chức quán triệt, thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW, các Nghị quyết của Quốc hội và Chính phủ về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Các cấp ủy, tổ chức đảng cụ thể hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch hành động của Đảng ủy xây dựng chương trình, kế hoạch, tổ chức triển khai bằng những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, thiết thực theo lộ trình, phù hợp với tình hình, điều kiện của địa phương; đề cao trách nhiệm, quyết tâm chính trị, gương mẫu của các cấp ủy, người đứng đầu, cán bộ, đảng viên trong tổ chức thực hiện.

- Xác định các lĩnh vực ưu tiên phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số dựa trên lợi thế của xã; từng bước xây dựng chính quyền số, công dân số, doanh nghiệp số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số.

2. Yêu cầu

- Nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vai trò đột phá của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đưa Yết Kiêu phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới.

- Bám sát các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết 57-NQ/TW và các quy định, hướng dẫn của Trung ương và Thành phố Hải Phòng để chỉ đạo, triển khai đồng bộ, thống nhất về thể chế, cơ chế, chính sách, bảo

đảm nguồn nhân lực trình độ cao, hạ tầng công nghệ số hiện đại, an ninh, an toàn, hiệu quả.

- Đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, huy động sự tham gia của các doanh nghiệp và toàn xã hội đối với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, tạo sự đồng thuận và phát huy sáng tạo của toàn xã hội. Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm các nguồn lực, ngân sách; ưu tiên các nhiệm vụ cấp thiết, dự án có tính lan tỏa và hiệu quả cao, không dàn trải, hình thức theo phong trào. Kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Mục tiêu chung

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ; nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của các ngành, lĩnh vực và tỷ trọng đóng góp trong tổng giá trị sản xuất của xã.

- Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số hiện đại, minh bạch, hiệu quả; đưa hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của tổ chức, cơ quan đảng, nhà nước lên môi trường số, dựa trên dữ liệu; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tiện ích số thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; tạo đột phá trong cải cách hành chính, quản trị công và phát triển bền vững.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy tiềm lực sáng tạo của xã hội, đóng góp tích cực vào mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

- Xây dựng hạ tầng số thống nhất, ổn định, áp dụng công nghệ hiện đại, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, từng bước nâng cao chất lượng sống của người dân.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến hết năm 2025

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn $\geq 60\%$.

- Có 80% người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s.

b) Phát triển nguồn lực

- Đảm bảo ngân sách chi cho phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo tỷ lệ chỉ đạo chung của Thành phố.
- Có $\geq 90\%$ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.
- 90% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.
- 80% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.
- Có $\geq 80\%$ đối với các cơ sở giáo dục mầm non và các cơ quan quản lý giáo dục đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức 2 trở lên;
- Có $\geq 90\%$ các trường Tiểu học, THCS trên địa bàn triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số.
- Quan tâm nguồn nhân lực thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo.

c) Phát triển khoa học, công nghệ

- Có ≥ 3 cán bộ chuyên ngành công nghệ thông tin hoặc nghiên cứu khoa học công nghệ.
- Ứng dụng vào thực tiễn các kết quả khoa học và công nghệ Thành phố triển khai.
- Ứng dụng AI, IoT, Big Data,... trong quản lý môi trường, nâng cao chất lượng sống người dân.

d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Có 3% doanh nghiệp có đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.
- Phần đầu có sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.
- Có ≥ 01 sáng kiến trong khu vực công được công nhận.

e) Phát triển chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số cấp xã $\geq 0,60$.
- Có $\geq 70\%$ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, Thành phố, xã.
- Có 100% thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.
- Có $\geq 70\%$ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.
- Có 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.

- Có 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.
- Có $\geq 70\%$ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- Có $\geq 50\%$ cơ sở dữ liệu được số hóa và liên thông với Thành phố và Trung ương.
- Có $\geq 60\%$ dữ liệu của xã được tích hợp với trực liên thông dữ liệu cấp Thành phố.
- Có $\geq 5\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ ứng dụng công nghệ số.
- Có $\geq 65\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID).
- Đảng ủy, chính quyền xã sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.
- Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử. Quy mô kinh tế số đạt 15%.

2.2. Đến hết năm 2030

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn đạt 100%.
- 100% người sử dụng có khả năng truy cập băng thông rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s.

b) Phát triển nguồn lực

- Đảm bảo ngân sách chi cho phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo tỷ lệ chỉ đạo chung của Thành phố.
- 100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.
- 100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.
- 90% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.
- Có $\geq 90\%$ đối với các cơ sở giáo dục mầm non và các cơ quan quản lý giáo dục đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức 2 trở lên.
- Có 100% cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số; cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số.
- Có từ 3-5 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo.

c) Phát triển khoa học, công nghệ

- Có ≥ 1 doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn.

- Có ≥ 4 cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ.
- Ứng dụng vào thực tiễn các kết quả khoa học và công nghệ Thành phố triển khai.
- Có $\geq 25\%$ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường vào sản xuất kinh doanh.
- Ứng dụng AI, IoT, Big Data,... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.

d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Có ≥ 3 doanh nghiệp khoa học và công nghệ.
- Có ≥ 10 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.
- Có $\geq 30\%$ doanh nghiệp có đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.
- Có ≥ 5 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.
- Có ≥ 2 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách Thành phố.
- Có $\geq 25\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường.
- Mỗi năm có ≥ 1 sáng kiến trong khu vực công được công nhận.

e) Phát triển chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số cấp xã $\geq 0,75$.
- Có 100% thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.
- 100% thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.
- 100% giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.
- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.
- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.
- Có $\geq 85\%$ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- Có $\geq 70\%$ hệ thống thông tin vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.
- Có $\geq 80\%$ cơ sở dữ liệu được số hóa và liên thông tới Thành phố và Trung ương.
- Có $\geq 85\%$ dữ liệu của xã được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP.
- Có $\geq 10\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.

- Có $\geq 80\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID), tỷ lệ người dân có chữ ký số $\geq 10\%$.

- Các cơ quan đảng hoàn thành tốt mục tiêu của Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng.

- Có $\geq 90\%$ đảng ủy, chính quyền xã sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.

- Quy mô kinh tế số đạt 30%.

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử.

2.3. Giai đoạn 2035 đến năm 2045

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 50%.

b) Phát triển nguồn lực

- Đảm bảo ngân sách chi cho phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo tỷ lệ chỉ đạo chung của Thành phố.

- 100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.

- 95% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- Có $\geq 95\%$ đối với các cơ sở giáo dục mầm non và các cơ quan quản lý giáo dục đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức 2 trở lên;

- Quan tâm thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo.

c) Phát triển khoa học, công nghệ

- Có ≥ 3 doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Có ≥ 100 cán bộ ứng dụng khoa học và công nghệ toàn xã.

- Có $\geq 30\%$ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất kinh doanh.

- Làm chủ một số công nghệ chiến lược, công nghệ số; ứng dụng công nghệ hiện đại vào việc quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.

d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Có ≥ 10 doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Có ≥ 25 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.
- Có $\geq 50\%$ doanh nghiệp có đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.
- Có ≥ 12 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.
- Có ≥ 5 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách Thành phố.
- Có $\geq 40\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường.

- Mỗi năm có ≥ 5 sáng kiến trong khu vực công được công nhận.

e) Phát triển chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số cấp xã $\geq 0,85$.
- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.
- Có $\geq 95\%$ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- Có $\geq 90\%$ hệ thống thông tin vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.
- 100% cơ sở dữ liệu được số hóa và liên thông với Thành phố và Trung ương.
- Có $\geq 85\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ ứng dụng công nghệ số.
- Có $\geq 95\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử, tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số đạt 20%.
- Đảng ủy, chính quyền xã sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.
- Quy mô kinh tế số đạt 40%.

3. Nhiệm vụ và giải pháp

3.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Đảng ủy thành lập Ban Chỉ đạo; ban hành các văn bản chỉ đạo, phân công rõ trách nhiệm cho các thành viên và cơ quan, đơn vị.

- Đưa nội dung thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và kế hoạch hành động của Đảng ủy vào chương trình công tác hằng năm và các nghị quyết, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các cấp ủy đảng, chính quyền, Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm về kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết tại đơn vị; tập trung củng cố bộ máy, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên về công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số nhằm đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

3.2. Nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị, thông tin, tuyên truyền

- Quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản liên quan đến cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân bằng nhiều hình thức phù hợp; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong hoạt động thông tin, tuyên truyền; mời chuyên gia trao đổi về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Xác định thời hạn hoàn thành và chỉ tiêu đánh giá; phân công rõ trách nhiệm, gán trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên Trang thông tin điện tử xã. Triển khai sâu rộng phong trào “học tập số”, phổ cập, nâng cao tri thức số, khoa học, công nghệ, quy tắc ứng xử trên môi trường số cho cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn.

- Phát động phong trào thi đua yêu nước, khởi nghiệp sáng tạo; tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời các chuyên gia, nhà khoa học, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích tiêu biểu.

3.3. Tạo đột phá, đảm bảo nguồn lực

- Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức đầu tư nghiên cứu, khởi nghiệp sáng tạo, đột phá khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Triển khai các kế hoạch, chính sách ưu đãi đầu tư, hỗ trợ tài chính cho các dự án nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao; thu hút, trọng dụng nhân tài về làm việc tại các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp trên địa bàn.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút vốn đầu tư cho các dự án hạ tầng số, phát triển doanh nghiệp số, du lịch số, hệ sinh thái du lịch thông minh. Ưu tiên bố trí ngân sách cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, dự án chuyển đổi số trọng điểm.

- Đề xuất đơn giản hóa, cắt giảm thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận đất đai, vốn, nhân lực để khởi nghiệp, đầu tư kinh doanh; ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình, giảm thời gian xử lý hồ sơ, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến chất lượng cao, phi địa giới hành chính.

- Bố trí nguồn lực để triển khai các nhiệm vụ, đề án, dự án theo từng giai đoạn; tăng tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của xã.

3.4. Phát triển hạ tầng số, ứng dụng, dịch vụ số

- Phối hợp triển khai đầu tư phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, bảo

đảm an toàn, an ninh theo từng giai đoạn, gắn với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của xã; ưu tiên phát triển hạ tầng số cho các khu công nghiệp, đô thị phủ sóng băng thông rộng (4G, 5G, cáp quang); hoàn thiện cơ sở dữ liệu dùng chung.

- Nâng cấp đường truyền cho cơ quan đảng, nhà nước, trường học. Đưa các hoạt động của cơ quan đảng, nhà nước lên môi trường mạng, chỉ đạo, điều hành trực tuyến hướng tới hiệu lực, hiệu quả, công khai, minh bạch.

- Triển khai các ứng dụng công nghệ giải quyết môi trường, xã hội. Áp dụng giải pháp công nghệ (IoT, AI, GIS...) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên. Thúc đẩy nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, hướng đến phát triển xanh, bền vững.

3.5. Xây dựng chiến lược chuyển đổi số, kinh tế số

- Triển khai chiến lược 5 năm thực hiện chương trình chuyển đổi số của Thành phố và đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng. Phát triển các nền tảng số dùng chung, cơ sở dữ liệu số dùng chung, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương. Đẩy mạnh cải cách hành chính, số hóa toàn bộ quy trình nghiệp vụ dựa trên công nghệ số. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tổng hợp, báo cáo, hỗ trợ ra quyết định.

- Triển khai chiến lược 5 năm thực hiện các nền tảng số. Tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu (dân cư, đất đai, doanh nghiệp...) trên nền tảng chung, tích hợp với AI. Hoàn thiện hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; đẩy mạnh xác thực điện tử, chữ ký số. Triển khai các nền tảng số thông minh trong các ngành, lĩnh vực: du lịch, nông nghiệp, sản xuất, logistics, thương mại điện tử, giáo dục - y tế, đô thị, môi trường, thanh toán điện tử,... thúc đẩy kinh tế số, xã hội số, nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, các ứng dụng tiện ích phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị, phục vụ người dân, doanh nghiệp trên môi trường số.

3.6. Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số

- Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân. Bố trí công chức, viên chức phụ trách an ninh mạng; xây dựng quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin quan trọng; định kỳ kiểm tra, giám sát, cảnh báo sự cố an ninh mạng.

- Triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng. Xây dựng kế hoạch giám sát, đánh giá hệ thống để bảo đảm an ninh, an toàn. Khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng; ưu

tiên sử dụng giải pháp, sản phẩm an toàn thông tin “Made in Việt Nam”.

3.7. *Đẩy mạnh hợp tác, liên kết khu vực*

- Tham gia các chương trình hợp tác với địa phương lân cận, doanh nghiệp, nhà khoa học để thúc đẩy thực hiện Nghị quyết, triển khai các dự án chung, hạ tầng số, các diễn đàn, hội thảo, học tập kinh nghiệm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Thu hút đầu tư, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ tiến tiến từ nước ngoài vào địa bàn. Khuyến khích các doanh nghiệp hợp tác với các tổ chức có thế mạnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tạo điều kiện cho các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước đến làm việc, hợp tác trên địa bàn.

3.8. *Giám sát, đánh giá và tuyên truyền*

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra, các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Kịp thời đề xuất điều chỉnh, bổ sung về cơ chế, chính sách, văn bản quy định chưa phù hợp. Thực hiện sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, điều chỉnh kịp thời mục tiêu, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Công khai, minh bạch thông tin về các chương trình, chính sách hỗ trợ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Quản lý, sử dụng kinh phí hợp lý đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về vai trò, kết quả của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

4. Kinh phí thực hiện

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách chi cho hoạt động khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và các nguồn xã hội hóa hợp pháp khác.

- Công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng kinh phí; tăng cường kiểm tra, giám sát để tránh lãng phí.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Ban Chỉ đạo

- Chỉ đạo chung; lãnh đạo, điều hành thống nhất việc thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW; phối hợp các cơ quan, đơn vị của Thành phố triển khai kịp thời các nhiệm vụ bảo đảm tiến độ, chất lượng theo quy định.

- Tham mưu cho Ban Thường vụ Đảng ủy triển khai chính sách, giải pháp

thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; báo cáo tiến độ định kỳ, đột xuất và những khó khăn vướng mắc kịp thời.

- Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát định kỳ, đột xuất tại các cơ quan, đơn vị để chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ và xử lý những khó khăn vướng mắc.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện theo từng giai đoạn (1 năm, giữa nhiệm kỳ, cuối nhiệm kỳ).

2. Trách nhiệm của Ban Thường vụ Đảng ủy

- Chỉ đạo Đảng ủy, UBND xã quán triệt thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW; định kỳ nghe Ban Chỉ đạo báo cáo về tiến độ, kết quả, khó khăn vướng mắc liên quan đến triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW và sự chỉ đạo của cấp trên.

- Quyết định điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp khi có sự thay đổi; xem xét, cho ý kiến về việc triển khai các cơ chế đặc thù, chính sách khuyến khích, cân đối nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- Chỉ đạo kiểm tra, giám sát và xử lý tập thể, cá nhân vi phạm trong thực hiện nhiệm vụ; đồng thời biểu dương, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu.

3. Trách nhiệm của UBND xã

- Căn cứ Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Đảng ủy thực hiện rà soát, bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch thực hiện của UBND xã cho phù hợp; phân công rõ nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị xã.

- Tham mưu, đề xuất với Ban Chỉ đạo triển khai các cơ chế, chính sách phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thường xuyên báo cáo Ban Chỉ đạo về kết quả triển khai, khó khăn, vướng mắc để chỉ đạo kịp thời.

- Chỉ đạo tổ chức kiểm tra, đôn đốc tiến độ, chất lượng thực hiện; xử lý, tháo gỡ vướng mắc, bảo đảm các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

- Bố trí ngân sách đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tạo thuận lợi về thủ tục hành chính, pháp lý để tổ chức, cá nhân đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ.

4. Trách nhiệm của các chi, đảng bộ trực thuộc

- Lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa Kế hoạch hành động của Đảng ủy phù hợp với tình hình địa phương, đơn vị. Tiếp tục phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW đến cán bộ, đảng viên, nhân dân thuộc địa bàn, đơn vị phụ trách.

- Định kỳ báo cáo tiến độ, khó khăn, kiến nghị cho Ban Chỉ đạo; kịp thời

phản ánh những vấn đề phát sinh; phối hợp với các đoàn kiểm tra, giám sát do Ban Chỉ đạo tiến hành.

- Đánh giá kết quả thực hiện, sơ kết, tổng kết định kỳ 6 tháng, 1 năm; biểu dương những tập thể, cá nhân điển hình, có đề xuất giải pháp phù hợp, hoàn thành tốt các nhiệm vụ.

- Khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, doanh nghiệp tham gia tích cực vào các phong trào đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

5. Trách nhiệm của các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy

- Văn phòng Đảng ủy là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo; chủ trì, phối hợp với các đơn vị tham mưu xây dựng chương trình, kế hoạch đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; chủ trì tham mưu cho Ban Thường vụ Đảng ủy ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng theo Quyết định số 204-QĐ/TW của Ban Bí thư; phối hợp với Văn phòng HĐND-UBND xã tổng hợp, theo dõi tiến độ thực hiện Kế hoạch để báo cáo Ban Chỉ đạo và Ban Thường vụ Đảng ủy.

- Ban Xây dựng Đảng tham mưu, đề xuất những giải pháp về công tác cán bộ để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tham mưu cán bộ có trình độ khoa học, kỹ thuật giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, tham gia vào cấp ủy. Hướng dẫn thực hiện các chính sách trọng dụng cán bộ có trình độ, năng lực khoa học, kỹ thuật, công nghệ để thúc đẩy đổi mới, sáng tạo. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan quán triệt, tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 57-NQ/TW; định hướng cho MTTQ, các đoàn thể thực hiện công tác tuyên truyền thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW bằng nhiều hình thức phù hợp với điều kiện của địa phương.

- Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy tham mưu tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất, phát hiện và xử lý vi phạm, báo cáo Thường trực Đảng ủy.

6. Trách nhiệm của Ủy ban MTTQ Việt Nam xã

- Tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, doanh nghiệp và nhân dân hưởng ứng các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

- Phát động phong trào thi đua sáng tạo, khởi nghiệp; tăng cường giám sát và phản biện xã hội trong quá trình thực hiện đến các cấp, các ngành có liên quan.

- Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, các hội, đoàn thể trong phối hợp với các doanh nghiệp công nghệ số tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn kỹ năng số cho tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh và các đối tượng có liên quan.

7. Cơ chế thông tin, báo cáo, sơ kết, tổng kết

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, UBND, MTTQ và các đoàn thể định kỳ 6 tháng, 1 năm báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ gửi về Ban Chỉ đạo (qua Văn phòng Đảng ủy, Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo) để tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy và cấp trên.

- Giữa và cuối nhiệm kỳ hoặc theo chu kỳ 2,5 năm, tổ chức sơ kết, tổng kết theo giai đoạn việc thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW; biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu, đồng thời đề xuất phương hướng cho giai đoạn tiếp theo.

Các chi, đảng bộ trực thuộc Đảng ủy, các cơ quan, đơn vị, Ủy ban MTTQ Việt Nam xã có trách nhiệm triển khai thực hiện Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Thành ủy (để báo cáo),
- Ban Chấp hành Đảng bộ xã,
- Thường trực HĐND xã,
- Lãnh đạo UBND xã,
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã,
- Các phòng, ban xã,
- Đảng ủy các chi bộ trực thuộc
- Lưu Văn phòng Đảng ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

BÍ THƯ



Vũ Văn Cấp

